TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS - PT
Ngày 16 - 01 - 2024
"V/v Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy Mai

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Ông Nguyễn Xuân Trọng

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS – ST Ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950.

Nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị H (vợ ông T), sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; chị Nguyễn Thị T1 (con gái ông T), sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 15 tổ 59, Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Thế H1, sinh năm 1945.

Nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Phan Minh H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số nhà 19, ngõ 2 phường C, quận B, thành phố Hà Nội (có mặt).

3.2. Bà Phạm Thị B(vợ ông H1), sinh năm 1948; nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2022 và những lời khai tiếp người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị H và chị Nguyễn Thị T1 trình bày: Gia đình ông T, bà H có thửa đất thổ cư số 276, tờ bản đồ số 13, diện tích đất 286,9 m^2 ở Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt là GCNQSD) đất đứng tên ông Nguyễn Văn T.

Nguồn gốc đất là do bố ông T để lại cho vợ chồng ông T sử dụng, trước đây diện tích đất là 14 thước tương đương với 336 m^2 đất nhưng đến nay chỉ còn diện tích là 286,9 m^2. Ngày 13/12/1997 UBND xã V có giải phóng mặt bằng và phóng tuyến làm đường giao thông nông thôn có ông Đào Văn C (nguyên là Phó ban tư pháp xã V), ông Lê Văn P (nguyên cán bộ địa chính xã V) và ông Phan Thanh N (nguyên trưởng thôn X), tổ công tác đã đo đạc lại đường giao thông và diện tích đất của gia đình bà. Theo nội dung biên bản phóng tuyến làm đường giao thông thể hiện: Do việc xác định ranh giới giữa đất của gia đình bà và ông H1 khi xây dựng chưa rõ nên tụt lùi về phía đường xóm 0,30m. Tổ công tác xác định ranh giới đất giữa hai gia đình, đất thổ cư của gia đình bà lùi về 0,30m giáp đất thổ cư hộ ông H1 0,10m giáp móng xây và đo đủ trả đất cho gia đình bà chiều dài 18,7 m (cạnh hướng Bắc) giáp đất bà Lơ, gia đình bà đã dỡ bỏ đoạn tường dài 11m lùi vào 0,30 m theo từ mép móng ngoài vào để mở đường cái xóm.

Gia đình ông H1 không ký vào biên bản phóng tuyến làm đường của thôn nhưng cũng không có ý kiến phản ánh gì nên coi như đã thừa nhận biên bản phóng tuyến làm đường của thôn. Năm 2008 gia đình bà đã xây bức tường rào bằng gạch theo đúng biên bản ngày 13/12/1997 mà ban giải phóng tuyến làm đường giao thông đã chỉ mốc giới cho gia đình bà. Năm 2015 gia đình bà đã được cấp đổi GCNQSD đất theo bản đồ Vn 2000.

Hiện nay, gia đình bà có nhu cầu xây nâng cao bức tường giáp ranh giữa nhà bà và nhà ông H1. Tuy nhiên phần mái nhà bếp cũ của gia đình ông H1 hiện nay có một số viên ngói lợp chùm lên phần tường nhà bà. Gia đình bà có thông báo với gia đình ông H1 dỡ phần ngói chùm lên phần tường nhà bà, để nhà bà xây nâng cao tường rào nhưng gia đình ông H1 ngăn cản việc xây dựng với lý do là tường rào nhà bà xây từ năm 2008 nằm trên đất của nhà ông H1.

Theo bà được biết diện tích đất thổ cư của gia đình ông H1 ban đầu là 226 m^2 nhưng sau khi cấp đổi và tặng cho con trai là anh Phan Minh H thì diện tích lại tăng lên là 279,5 m^2 (thừa 53,5 m^2), khi làm cấp đổi thì gia đình bà và các gia đình liền kề đều không biết, không ký xác nhận giáp ranh với hộ ông H1.

Đến nay, ông Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết tranh chấp ranh giới đất giữa 2 bên gia đình. Cụ thể ông T yêu cầu gia đình ông Phan Thế H1 phải tháo dỡ phần mái ngói lợp trùm trên tường nhà bà để nhà bà xây nâng cao bức tường rào. Bà đề nghị xác nhận bức tường xây gạch là xây trên đất của gia đình bà, là ranh giới đất giữa gia đình bà và gia đình ông H1, bà sẽ xây tường kéo dài ra phía cổng đi chừa 20 cm là giọt ranh của gia đình ông H1.

Về chi phí định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Phan Thế H1 trình bày: Gia đình ông có thửa đất thổ cư số 275 tờ bản đồ số 13 diện tích 279,5m^2 ở Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc thửa đất là do bố mẹ ông mua từ năm 1940 với diện tích là 12 thước tương đương với 288 m2.

Khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu có diện tích là 226 m^2, tuy nhiên sau đó do biến động sai số đo đạc, năm 2020 ông đã làm đăng ký biến động đất đai và tặng cho con trai là Phan Minh H với diện tích thửa đất là 279,5 m2. Tuy nhiên hiện nay vợ chồng ông bà vẫn trực tiếp sử dụng thửa đất trên, còn vợ chồng anh H đang sống tại Hà Nội. Từ trước cho đến nay thửa đất nhà ông không có tranh chấp gì với các hộ liền kề. Năm 1980 bố mẹ đẻ ông có xây 01 ngôi nhà cấp 4 và lợp ngói chảy giọt ranh nằm trong phần diện tích đất của gia đình ông và gia đình ông sử dụng từ năm 1980 đến nay, không sửa chữa hay cơi nới gì. Hiện nay gia đình ông T đã xây tường áp hẳn vào móng nhà cấp 4 của gia đình ông, đó là phần đất mà gia đình ông T đã lấn chiếm của gia đình ông để xây tường.

Năm 2018 khi gia đình ông T xây tường đã lấn chiếm sang phần diện tích đất của gia đình ông, lúc đó ông có ngăn cản việc xây tường nhưng gia đình ông T đã dùng sức ép của nhiều người để tự ý xây tường. Ông cũng nghĩ về tình anh em và tình làng nghĩa xóm nên từ đó đến nay ông không có ý kiến gì. Đến nay gia đình ông T lại yêu cầu gia đình ông phải dỡ phần ngói bếp để xây cao tường lên thì ông không đồng ý vì lý do tường rào nhà ông T xây chui dưới mái bếp nhà ông. Nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T vì lý do gia đình ông T

đã xây tường lấn chiếm sang phần diện tích của gia đình ông nên ông yêu cầu gia đình ông T phải tháo dỡ tường xây để trả lại đất đã lấn chiếm cho gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Minh H trình bày: Anh là con trai của ông Phan Thế H1, về thửa đất thổ cư số 275 tờ bản đồ số 13 diện tích 279,5 m^2 ở Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp GCNQSD đất đứng tên anh. Nguồn gốc đất là do bố mẹ anh cho anh đứng tên từ năm 2020, trên đất có 01 nhà xây cấp bốn do bố mẹ anh đang sử dụng. Hiện nay gia đình ông T đã xây tường áp hẳn vào móng nhà cấp 4 của gia đình anh. Năm 2018 khi gia đình ông T xây tường đã lấn chiếm sang phần diện tích đất của gia đình anh, bố anh có ngăn cản việc xây tường nhưng gia đình ông T vẫn tự ý xây tường. Nay anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T vì lý do gia đình ông T đã xây tường lấn chiếm sang phần diện tích của gia đình anh. Anh yêu cầu gia đình ông T phải tháo dỡ công trình xây lấn chiếm sang phần diện tích đất của gia đình anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B trình bày: Bà là vợ của ông Phan Thế H1, bà nhất trí với trình bày của ông H1 là chồng bà và anh H là con trai bà đã trình bày, không có trình bày bổ sung gì thêm. Quan điểm bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T vì lý do gia đình ông T đã xây tường lấn chiếm sang phần diện tích của gia đình bà.

Với nội dung vụ án như trên tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V quyết định: Áp dụng Điều 166, Điều 170, Điều 179, Điều 202 và Điều 203 của Luật Đất đai; các Điều 166, Điều 175, Điều 176 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Phan Thế H phải tháo giỡ phần mái ngói lợp trùm trên tường nhà ông T để gia đình ông T xây nâng cao bức tường rào.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 ông Nguyễn Văn T kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V. Về án phí và chi phí tố tụng các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T làm trong hạn luật định hợp lệ được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T thấy rằng:

Diện tích đất của gia đình ông Nguyễn Văn T theo bản đồ 299 có thửa đất số 116 tờ, bản đồ số 2 diện tích 276 m^2 đã được UBND huyện V cấp GCNQSĐ ngày 29/11/1991 đứng tên ông Nguyễn Văn T trong đó đất thổ cư là 200m2, đất vườn 76m2. Sau đó ngày 21/4/2015 gia đình ông T được UBND huyện V cấp đổi lại GCNQSDĐ diện tích 286,9m2 trong đó đất thổ cư 200m2, đất trồng cây lâu năm là 86,9m2. Diện tích tăng so với cấp GCNQSDĐ lần đầu là 10,9m2. Hiện trạng sử dụng theo kết quả đo đạc xem xét tại chỗ của TAND tỉnh Vĩnh Phúc ngày 12/12/2023 là 287,1m^2.

Diện tích đất gia đình ông Phan Thế H1 theo bản đồ 299 có thửa đất số 115 tờ, bản đồ số 2 diện tích đất thổ cư là 226 m^2 đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ ngày 30/11/1991 đứng tên ông ông Phan Thế H1. Sau đó ngày 20/8/2020 ông H1 tặng cho con trai là anh Phan Minh H nên ngày 21/9/2020 UBND huyện V cấp GCNQSDĐ đứng tên Phan Minh H diện tích 279,5m^2. Trong đó đất thổ cư là 226m^2, đất trồng cây lâu năm là 53,5m^2. Diện tích tăng so với GCNQSDĐ cấp lần đầu 53,5m^2 do phần đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSDĐ. Hiện trạng sử dụng theo kết quả đo đạc xem xét tại chỗ của TAND tỉnh Vĩnh Phúc ngày 12/12/2023 là 276,4m^2 (thiếu so với GCNQSDĐ là 3,1m^2).

Như vậy việc sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ của hai gia đình đều có biến động, gia đình ông T đã được cấp đổi lại GCNQSDĐ năm 2015, gia đình ông H1 được cấp lại GCNQSDĐ mang tên anh H năm 2020. Về thủ tục cấp GCNQSDĐ cho anh H sau khi tiếp nhận hồ sơ văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện V đã thẩm định, rà soát và đối chiếu với hồ sơ địa chính xã V, kiểm tra tại thực địa và có lập biên bản kiểm tra hiện trạng đất. Trong quá trình kiểm tra có đại diện UBND xã V, ông Phan Văn Hiệu và các hộ liền kề, đối với phần ranh giới tiếp giáp với hộ ông T thì đã được xác định theo hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ ngày 21/4/2015 cho ông T. Vì vậy khi xác minh ranh giới trong quá trình cấp đổi cho hộ ông Phan Thế H1 đã không xác định lại và không có chữ ký của hộ ông T do tôn trọng ranh giới thửa đất nhà ông T đã được cấp đổi trước đó. Tại thời điểm kiểm tra, thẩm định cũng xác định thửa đất của gia đình ông H1 đã được sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không lấn chiếm ra đất công, ranh giới thửa đất không thay đổi, đã được UBND xã V xác nhận vào đơn đăng ký biến động đất đai

ngày 21/5/2020. Sau khi kiểm tra đối với phần diện tích đất tăng, Văn phòng đăng ký đất đai đã yêu cầu UBND xã làm thông báo công khai diện tích tăng ngày 22/5/2020 và kết thúc công khai ngày 18/6/2020. Do vậy anh Phan Minh H có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất thực tế sử dụng và không phải nộp tiền sử dụng đất đối với phần đất tăng lên. Phần diện tích đất tăng là do sai số đo đạc và tính toán diện tích bằng phương pháp thủ công khi thành lập bản đồ 299. Do vậy cần xác định việc cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông T và ông H1 là đảm bảo quy định của pháp luật. Ông T kháng cáo cho rằng việc cấp GCNQSDĐ cho anh H có sai sót là chưa chính xác**.**

Ngoài ra nguyên đơn còn kháng cáo cho rằng **"**Biên bản phóng tuyến làm đường giao thông NT" ngày 13/12/1997 đã ghi " Hộ ông T lùi về phía đường xóm 0,30m giáp đất thổ cư hộ ông H1 0,1m giáp móng xây". Tức là theo ông T hiểu nhà ông T lùi về đường xóm 0,30m thì sẽ tịnh tiến sang đất của ông H1 0,10m là không đúng vì Biên bản phóng tuyến được lập để thống nhất giải phóng mặt bằng và mở rộng đường xóm. Do vậy phần diện tích ở phần mặt đường xóm sẽ được xác định lại để mở rộng đường tức là gia đình ông T phải lùi vào 0,30m ở đoạn đường vòng đi sang đất nhà bà Lơ, còn hộ ông H1 sẽ phải lùi vào 0,10 giáp móng xây là vị trí mặt đường ngõ giáp móng nhà bếp. Gia đình ông T cho rằng phải tịnh tiến sang đất của ông H1 dẫn đến ông H1 phải dỡ mái ngói cho ông T sử dụng đất tại vị trí tranh chấp là hiểu không đúng. Tại thời điểm lập Biên bản phóng tuyến UBND xã không giải quyết tranh chấp đất giữa hai bên gia đình mà chỉ xác định các vị trí cần giải phóng để làm đường và đã xác định đất của gia đình ông T có chiều dài là 18,75m.

Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy đây là tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất. Trong đó ông T yêu cầu gia đình ông H1 phải tháo dỡ phần mái ngói lợp trùm trên tường nhà ông T để nhà ông T xây nâng cao bức tường rào. Đồng thời đề nghị xác nhận bức tường xây gạch là xây trên đất của gia đình ông T, là ranh giới đất giữa gia đình hai gia đình và ông T sẽ xây tường kéo dài ra phía cổng đi chừa 20 cm là giọt ranh của gia đình ông H1.Tuy nhiên quá trình thu thập chứng cứ cấp sơ thẩm chưa làm rõ phần mái ngói lợp trùm trên tường nhà ông T diện tích bao nhiêu, chưa xác định diện tích thực tế so với GCNQSDĐ đã được cấp của hai hộ như thế nào và chưa chỉ rõ được ranh giới đất của hai hộ. Do vậy cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét tại chỗ lại đối với phần ranh giới đất có tranh chấp vào ngày 12/12/2023. Cụ thể xác định diện tích có tranh chấp là 2,3 m2.

Trong đó: Phần đất trong GCNQSDĐ của anh H là 1,5m^2 ký hiệu A,TT5,TT6,TT7,TT8,TT9,TT10, A; Phần đất trong GCNQSDĐ của ông T là

0,7m2 ký hiệu A,TT4,TT5,A và từ TT5,TT6, TT7, TT5; Phần đất ngoài GCNQSDĐ của ông T và ông H1 là 0,1m.

Trên phần đất mang tên anh H có một phần mái ngói nhà kho (tức nhà bếp xây năm 1980 của nhà ông H1) sau đó gia đình ông T đã xây tường bên dưới mái ngói của gia đình ông H1. Đo đạc xác định mái ngói trùm sang tường xây có chiều rộng 0,2m; dài 3,30m diện tích 0,7m^2.

Trên diện tích đất có tranh chấp ông T có 01 đoạn tường xây từ móng lên cao 1,70m; rộng 0,20m; dài 6,95m và xây chồng thêm tường 0,10, cao 0,55; dài 6,95m.

Với kết quả xem xét tại chỗ như trên cần xác định:

Mốc giới giữa hai nhà ông T và ông H1 tại vị trí ông T xây tường dưới mái ngói nhà ông H1: Đoạn có tranh chấp chiều dài là 14,35m phần mái nhà kho tức mái bếp cũ do gia đình ông H1 xây dựng từ năm 1980 nên theo quy định tại Điều 175 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về ranh giới giữa các bất động sản như sau: *"1. Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.Ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp.Không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách, kể cả trường hợp ranh giới là kênh, mương, hào, rãnh, bờ ruộng. Mọi chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung.*

2. Người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác. Người sử dụng đất chỉ được trồng cây và làm các việc khác trong khuôn viên đất thuộc quyền sử dụng của mình và theo ranh giới đã được xác định; nếu rễ cây, cành cây vượt quá ranh giới thì phải xén rễ, cắt, tỉa cành phần vượt quá, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"

Như vậy, người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh đất, căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được cấp. Ông T xây tường dưới mái bếp của gia đình ông H1 là xây trên đất của ông H1. Ranh giới đất của hai hộ tại vị trí này được xác định từ mép mái ngói nhà bếp cũ của ông H1 xuống đất. Phía gia đình ông T cho rằng xây tường năm 2008 nên coi bức tường là ranh giới đất của hai hộ là không chính xác mà cần tôn trọng mốc giới đã được xác lập từ năm 1980. Ranh giới của vị trí này được xác định trên sơ đồ hiện trạng đo vẽ ngày 12/12/2023 là đoạn thẳng có ký hiệu T3, T5. Tại phiên toà ông H1 và anh H có yêu cầu ông T tháo dỡ tường nhưng không phải là yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét về việc buộc tháo dỡ tường do ông T xây mà sau này ông H1 có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Mốc giới tại vị trí phía sau nhà bếp của gia đình ông H1 hiện nay có 01 rãnh nước do ông H1 xây dựn từ khi ông H1 nhà bếp vào năm 2013. Quá trình giải

quyết tranh chấp ông T không có ý kiến gì đối với vị trí này nên cần xác định mép của rãnh nước do ông H1 xây về phía nhà ông T là ranh giới giữa hai nhà. Ranh giới này được xác định trên sơ đồ hiện trạng đo vẽ ngày 12/12/2023 là đoạn thẳng có ký hiệu T5,T6.

Như vậy ông T khởi kiện yêu cầu gia đình ông H1 phải tháo dỡ phần mái ngói rộng 0,2m; dài 3,30m diện tích 0,7m^2 là không có căn cứ, kháng cáo của ông T không được chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản có tranh chấp, do vậy tại cấp sơ thẩm nguyên đơn đã nộp 5.000.000 đồng, tại cấp phúc thẩm đã nộp 8.164.994 đ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng trên. Nguyên đơn đã tạm nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí do đó căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án cần miễn nộp tiền án phí cho nguyên đơn.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V.

Áp dụng Điều 166, Điều 170, Điều 179, Điều 202 và Điều 203 của Luật Đất đai; các Điều 166, Điều 175, Điều 176 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Thế Hiệu phải tháo dỡ phần mái ngói lợp trùm trên tường nhà ông T để gia đình ông T xây nâng cao bức tường rào.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Văn T được miễn toàn bộ án phí nhưng phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* tại cấp sơ thẩm và 8.164.994 đ tại cấp phúc thẩm (xác nhận ông T đã nộp đủ và chi phí).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện V;
- Chi cục huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thuý Mai